

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2022/HS-ST**

Ngày: 14/9/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thanh D** (tên gọi khác: Lê Văn T2, Bờm, Buôm); Sinh ngày: 25/8/1991; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Không xác định; Chỗ ở: Phòng trọ số 11, khu nhà trọ C5/21C đường LĐCi, ấp C, xã LMX, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà: Trần Thị Th (chết); Có vợ: là bà Trần Thị Mỹ H (không đăng ký kết hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 11/4/2022.

Tiền án: Ngày 04/6/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 57/2020/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 18/01/2021 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 419/GCN của Trại giam Mỹ Phước và Công văn trả lời xác minh số: 1116/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân:

- Ngày 28/8/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 278/2012/HSST).

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013 và đã thi hành xong án phí ngày 25/7/2013 (Giấy chứng nhận đặc xá số: 562/GCN-ĐX của Trại giam Mỹ Phước và Công văn trả lời xác minh số: 1575/CCTHADS ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 08/7/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 82/2015/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2016 và đã thi hành xong án phí ngày 21/3/2018 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1597/GCN của Trại giam Thủ Đức và Công văn trả lời xác minh số: 1248/CCTHADS ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 04/5/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 142/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 23/8/2019 (Giấy chứng nhận số: 394/GCN-CS3 ngày 18/7/2019 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 3).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Thái Ngọc T** (tên thường gọi là T Ken); Sinh ngày: 28/8/1979; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 231/51/19 đường BT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 56/8 đường HN, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thái H1 và bà: Võ Thị N (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 11/4/2022.

Tiền sự: Ngày 24/8/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 210/2018/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 26/7/2020 (Giấy chứng nhận số: 177/GCN-CSBL ngày 29/6/2020 của Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lát).

Nhân thân:

- Ngày 05/3/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản công dân» (Bản án số: 35/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/1998 và đã thi hành xong án phí ngày 12/4/2006 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 195/GCN của Trại giam An Phước và Công văn trả lời xác minh số: 1331/CCTHADS ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 15/11/1999, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 266/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2000 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 474/GCN của Trại giam Xuyên Mộc).

- Ngày 29/10/2001, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù về tội «Giết người» (Bản án số: 1371/HSST). Bị cáo kháng cáo và ngày 17/01/2002, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí

Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 50/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/2011 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1714/GCN của Trại giam Xuân Lộc).

- Ngày 19/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 46/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2015 và đã thi hành xong án phí ngày 24/6/2013 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 546/GCN của Trại giam Mỹ Phước và Công văn trả lời xác minh số: 1330/CCTHADS ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Giang Huệ D1** (tên thường gọi là Nhi); Sinh ngày: 16/01/1980; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 135/17 đường THĐ, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giang K (chết) và bà: Trương N1; Có chồng: Là ông Đinh Hoàng T1 (đã ly hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/4/2022.

Tiền sự: Ngày 03/3/2020, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 164/2020/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 23/6/2021 (Giấy chứng nhận số: 232/GCN-CSCNMTPN ngày 27/4/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Nghĩa).

Nhân thân:

- Ngày 28/10/2016, bị Công an phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính 2.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 0043525/QĐ-XPHC).

- Ngày 16/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 15 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 620/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 11/10/2018 (Giấy chứng nhận số: 352/GCN-CSCNMTPN ngày 27/4/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Nghĩa).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. **Võ Công D2**; Sinh ngày: 23/3/1984; Tại: Tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Khu phố Lãng 2, thị trấn VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn Đ và bà: Nguyễn Thị Đ1 (chết); Có vợ: Là bà Lê Thị Thu V (đã ly hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/4/2022.

Tiền sự: Ngày 19/6/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 347/2019/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 29/9/2020 (Giấy chứng nhận số: 2261/GCN-CS2 ngày 14/9/2020 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 2).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Chung Ngọc Nh; Sinh năm: 1995; Thường trú: 336/2 đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 336/24 đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Đức Th1 (Đen); Sinh năm: 1982; Thường trú: Ấp 4, xã MA, huyện TT, tỉnh Long An; Chỗ ở: 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Ông Phan Tấn Tr; Sinh năm: 1972; Thường trú: 409/13 đường VV, Phường E, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 695/3 đường ADV, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Tô Thy K1; Sinh năm: 1998; Trú tại: 323/5A đường NT, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Việt Th2; Sinh năm: 1980; Thường trú: Ấp TN, xã TThuyện CG, tỉnh Long An; Chỗ ở: 122/15/8/11 đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Bà Thái Kim H2; Sinh năm: 1986; Thường trú: 231/51/19 đường BT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 56/8 đường HN, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

6. Ông Phan Thanh L; Sinh năm: 1994; Thường trú: Ấp 2, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: 42 đường TĐ, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Bà Mai Thị H3; Sinh năm: 1948; Thường trú: 24/28 đường HN(cũ là đường 41 PĐ), Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: B20/30 ấp 2, xã BC, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Lâm Tứ H4; Sinh năm: 1988; Trú tại: 36/30/34/18 đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Viết H5; Sinh năm: 1970; Trú tại: 7/2 ấp 5, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

10. Ông Phạm Đình C; Sinh năm: 1977; Trú tại: 9/11 khu phố 4, phường TTT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị Th2; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: Tổ 3, phường NĐ, thành phố GN, tỉnh Đắk Nông.

(vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi thống nhất cùng nhau đi lấy trộm tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 03/4/2022, Trần Thanh D điều khiển xe gắn máy biển số 51R4-0081 (hiệu Honda Wave màu bạc) đến đón Thái Ngọc T tại phòng trọ số 56/8 đường HN, Phường P, Quận H. Tại đây, T đưa chiếc xe gắn máy biển số 52Y1-6480 (hiệu Honda Wave màu đỏ) của T cho D điều khiển chở T chạy lòng vòng tìm tài sản. Đến 11 giờ 50 phút cùng ngày, khi chạy ngang siêu thị Winmart, địa chỉ 336/55 đường NVL, Phường L, Quận F, D phát hiện có chiếc xe gắn máy biển số 59H1-731.91 (hiệu Honda Vision, màu xanh) của bà Chung Ngọc Nh đang dựng trước cửa hàng mà không có người trông coi, nên chỉ cho T thấy. T liền lấy cây đoản (thanh kim loại màu xám, dài 05cm, một đầu dẹp nhọn, một đầu lục giác) giấu trong người ra đưa cho D, rồi giả vờ đi vào trong siêu thị mua đồ nhằm mục đích để quan sát. Khi thấy thuận lợi, T ra nói D đến bẻ khóa chiếc xe biển số 59H1-731.91, còn T điều khiển xe Wave chạy qua đối diện cửa hàng cảnh giới. Về phần D, sau khi dùng cây đoản bẻ ổ khóa công tắc chiếm đoạt được chiếc xe đã cùng T chạy đến khu nhà trọ của Nguyễn Đức Th1 tại số 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT để tìm người bán xe. Để tránh bị phát hiện, D tháo biển số xe 59H1-731.91 ra cắt vụn bỏ thùng rác rồi lấy biển số khác kêu Th1 ra nhờ thay cho chiếc xe Honda Vision. Sau khi thay biển số xong, Th1 về phòng trọ, còn T gọi điện thoại và gửi hình ảnh chiếc xe Honda Vision qua Zalo cho Giang Huệ D1 để chào bán, D1 đồng ý mua chiếc xe với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, D1 gọi điện nhờ Võ Công D2 đến gặp T xem xe, D2 đồng ý và hỏi một người bạn (không rõ lai lịch) mượn chiếc xe gắn máy hiệu Sirius (không rõ biển số) đến gặp T. Trong lúc xem xe, Võ Công D2 nghe T và Trần Thanh D nói chuyện với nhau là chiếc xe này vừa mới “ăn” được, nên biết là xe chiếm đoạt được của người khác. Sau khi xem xe, thấy chất lượng xe còn tốt, nên Võ Công D2 gọi điện báo cho D1 biết rồi đem xe Sirius về trả cho bạn. Khoảng 30 phút sau, D1 đến gặp T và Trần Thanh D trả 6.000.000 đồng, nhưng T cho lại D1 200.000 đồng, còn 5.800.000 đồng T và Trần Thanh D chia nhau tiêu xài. Còn Võ Công D2, sau khi đem xe về trả cho bạn đã thuê xe Honda ôm

quay lại chỗ T lấy chiếc xe Honda Vision (D1 mới mua của T) đem đến bãi giữ xe ở chợ BD, huyện Bình Chánh gửi rồi giao phiếu giữ xe lại cho D1. Đến sáng ngày 04/4/2022, D1 đến bãi giữ xe chợ BD lấy xe đem đến Chành xe HHT, phường HT, Quận L bán cho một người đàn ông tên Hậu (không rõ lai lịch) với giá 7.000.000 đồng.

Qua truy xét, Công an Quận 6 bắt giữ Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Võ Công D2 và Giang Huệ D1. Qua đấu tranh, tất cả đều khai nhận nội dung nêu trên.

Quá trình điều tra, bà Thái Kim H2 (em của Thái Ngọc T) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thanh kim loại màu xám, dài 05cm (một đầu dẹp nhọn, một đầu lục giác).

Theo ba Biên bản xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Trung Tâm y tế Quận 6, Trần Thanh D, Giang Huệ D1, Võ Công D2 dương tính với ma túy (chất dạng Amphetamine).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 4 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 59H1-731.91 (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 03/4/2022, có giá là: 20.000.000 đồng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 46/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Trần Thanh D, Thái Ngọc T về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 58/QĐ-ĐCSHS, số: 59/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Giang Huệ D1, Võ Công D2 về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» (Quyết định số: 60/QĐ-ĐCSHS, số: 61/QĐ-ĐCSHS).

Đối với Nguyễn Đức Th1, là người có hành vi giúp Trần Thanh D, Thái Ngọc T thay biển số chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, nhưng Th1 không biết chiếc xe này, là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKS-Q6 ngày 01 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu. Riêng bị cáo Trần Thanh D tự nguyện trích 10.000.000 đồng từ số tiền 14.201.000 đồng đang

bị tạm giữ để bồi thường cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

Các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 khai nhận chính các bị cáo, sau khi biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, là xe do các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T chiếm đoạt được của người khác, nhưng các bị cáo vẫn đồng ý mua với giá 6.000.000 đồng (sau khi nhận tiền, Thái Ngọc T cho lại bị cáo D1 200.000 đồng). Sau đó, bị cáo D1 đem chiếc xe vừa mua bán lại với giá 7.000.000 đồng như nội dung bản cáo trạng nêu;

Bị hại Chung Ngọc Nh khai cũng tương tự và xác nhận các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T chiếm đoạt của bà chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59H1-731.91. Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu các bị cáo Danh, T liên đới bồi thường cho bà trị giá chiếc xe trên là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đức Th1 khai trưa ngày 03/4/2022, ông đang ở nhà (phòng trọ 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT) thì Trần Thanh D đến nhờ ông ra thay giùm biển số chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, do chỗ bạn bè quen biết nên ông đồng ý. Sau khi thay biển số xong, ông quay về phòng trọ, nên không biết sự việc sau đó như thế nào và ông cũng không hưởng lợi gì từ các bị cáo D, T;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thái Kim H2 xác nhận khoảng đầu tháng 4/2022 (bà không nhớ chính xác ngày), Thái Ngọc T có đưa cho bà khoảng 2.000.000 đồng để đóng tiền viện phí cho ông TH (cha của bà và Thái Ngọc T), nhưng T không nói cho bà biết nguồn gốc số tiền này ở đâu T có và bà cũng không hỏi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Thanh D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Thái Ngọc T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Giang Huệ D1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo khoản 1 Điều 323; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Võ Công D2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo khoản 1 Điều 323; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T liên đới bồi thường cho bà Chung Ngọc Nh trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59H1-731.91 là 20.000.000 đồng (ghi nhận việc tại phiên tòa, bị cáo Danh tự nguyện trích 10.000.000 đồng từ số tiền 14.201.000 đồng đang bị tạm giữ để bồi thường cho bà Nhân).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy màu đỏ, số khung: VBSPCH0021XS17968, số máy: ZS152FMH-01200868 (không có biển số); 01 chiếc xe gắn máy màu bạc, không có biển số (không xác định được số khung, số máy nguyên thủy); 01 chiếc xe gắn máy màu đen, không có biển số, số máy: VDGZS152FMH-Z0-004412 (không xác định được số khung nguyên thủy); 01 chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 864164042767631, số Imei 2: 864164042767623; 01 chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 862449041410933, số Imei 2: 862449041410925; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh, số Imei 1: 357186101913370, số Imei 2: 357187101913378; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, có in chữ Samsung ở mặt lưng, số Imei 1: 355079082954327, số Imei 2: 355080082954325 và số tiền 1.200.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu xám, dài 05cm (một đầu dẹp nhọn, một đầu lục giác); 01 đôi dép kẹp màu đỏ, quai đen; 01 áo sơ mi trắng dài tay, sọc dài; 01 quần ống ngắn màu kem; 01 quần Jean màu xanh dương; 01 quần Jean màu xanh dương có in chữ HMKEN vàng; 01 áo thun đỏ tay ngắn in chữ MOBY DICK màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu tím; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (có in chữ Grab); 01 mũ bảo hiểm màu kem; 01 sim điện thoại số: 0932009793; 01 sim điện thoại Mobifone số: 8401200292051012; 01 sim điện thoại số: 0325568776; 02 sim điện thoại 4G Mobifone số: 8401190850518104 WD và số: 8401210833146037; 01 biển số xe 51R4-0081; 01 biển số xe 48F9-8712; 01 biển số xe 59C2-589.57.

Trả lại bị cáo Trần Thanh D số tiền 4.201.000 đồng.

Trả lại bị cáo Giang Huệ D1 số tiền 400.000 đồng.

Trả lại bà Chung Ngọc Nh số tiền 10.000.000 đồng (do bị cáo Trần Thanh D tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả).

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 USB hiệu Kingston màu đỏ, dung lượng 8Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 vào khu nhà trọ 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT) do ông Lâm Tứ H4 giao nộp; 01 USB hiệu Toshiba màu bạc, dung lượng 4Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Thanh D, Thái Ngọc T lấy trộm xe gắn máy tại siêu thị Winmart, địa chỉ 336/55 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6 vào ngày



03/4/2022) do bà Chung Ngọc Nh giao nộp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL501, 502), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2; của bị hại Chung Ngọc Nh; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đức Th1, Thái Kim H2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 03/4/2022 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐDGTS ngày 12/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 đã phạm tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[2.1] Với ý định phạm tội có từ trước, các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T đã lén lút dùng đoạn bẻ ổ khóa công tắc xe để chiếm đoạt của bà Chung Ngọc Nh 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59H1-731.91 trị giá 20.000.000 đồng vào trưa ngày 03/4/2022 tại trước siêu thị Winmart, địa chỉ 336/55 đường NVL, Phường L, Quận F. Đây là vụ án có đồng phạm mang tính gián đơn và theo lời khai của các bị cáo thì bị cáo D là người

chủ động rủ rê, ngoài việc phát hiện tài sản chỉ cho bị cáo T thấy, bị cáo còn là người trực tiếp dùng đoạn bê ỏ khóa công tắc chiếm đoạt chiếc xe. Bị cáo T ngoài việc chuẩn bị công cụ bê khóa (đoạn) và giúp sức tích cực cho bị cáo D trong việc chiếm đoạt tài sản, bị cáo còn là người chủ động liên lạc và thỏa thuận việc bán xe cho Giang Huệ D1 lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2.2] Các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 tuy không có sự hứa hẹn trước với các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, nhưng các bị cáo đã mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh mà các bị cáo biết rõ đó là tài sản do các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T chiếm đoạt được của người khác. Hành vi của các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có và gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ.

[2.3] Các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 là những người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng đều do tham lam, lười lao động chỉ vì muốn có tiền tiêu xài (đối với các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T), háms lợi (đối với các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2), mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1] Bị cáo Trần Thanh D đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 04/6/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»), chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Bị cáo Thái Ngọc T ngày 24/8/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo Giang Huệ D1 ngày 03/3/2020, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng

chất ma túy. Bị cáo Võ Công D2 ngày 19/6/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy.

[3.3] Ngoài ra, các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1 đều có nhân thân xấu (ngày 28/8/2012, bị cáo Trần Thanh D bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản»; ngày 08/7/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 04/5/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Ngày 05/3/1997, bị cáo Thái Ngọc T bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 15 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản công dân»; ngày 15/11/1999, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 18 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân»; ngày 29/10/2001, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù về tội «Giết người»; ngày 19/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản». Ngày 28/10/2016, bị cáo Giang Huệ D1 bị Công an phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú xử phạt vi phạm hành chính 2.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 16/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 15 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy).

Cho thấy, tuy đã từng bị kết án, từng bị xử phạt vi phạm hành chính, từng bị đưa đi cải tạo, giáo dục, nhưng các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng mà ngược lại, vẫn tiếp tục phạm tội do cố ý. Chứng tỏ các bị cáo là những người hết sức xem thường pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu và các tội phạm khác về xâm phạm trật tự công cộng. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Riêng các bị cáo Giang Huệ D1, Võ Công D2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh D tự nguyện trích 10.000.000 đồng từ số tiền thu giữ của bị cáo để bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17; Điều 58; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bà Chung Ngọc Nh yêu cầu các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T bồi thường cho bà trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 59H1-731.91 là 20.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà Nhàn là có cơ sở và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường (mỗi bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng), nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cấn trừ 10.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thanh D tự nguyện bồi thường cho bà Nh (trích từ số tiền 14.201.000 đồng thu giữ của bị cáo). Còn lại 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Thái Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Chung Ngọc Nh có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Thái Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Thái Ngọc T còn phải trả bà Chung Ngọc Nh khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 sử dụng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 864164042767631, số Imei 2: 864164042767623; 01 chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 862449041410933, số Imei 2: 862449041410925; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh, số Imei 1: 357186101913370, số Imei 2: 357187101913378; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, có in chữ Samsung ở mặt lưng, số Imei 1: 355079082954327, số Imei 2: 355080082954325, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 thanh kim loại màu xám, dài 05cm (một đầu dẹp nhọn, một đầu lục giác); 01 đôi dép kẹp màu đỏ, quai đen; 01 áo sơ mi trắng dài tay, sọc dài; 01 quần ống ngắn màu kem; 01 quần Jean màu xanh dương; 01 quần Jean màu xanh dương có in chữ HMKEN vàng; 01 áo thun đỏ tay ngắn in chữ MOBY DICK màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu tím; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (có in chữ Grab); 01 mũ bảo hiểm màu

kem; 01 sim điện thoại số 0932009793 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Vivo); 01 sim điện thoại Mobifone số 8401200292051012 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Vivo); 01 sim điện thoại số 0325568776 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10); 02 sim điện thoại 4G Mobifone số 8401190850518104 WD và số: 8401210833146037 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với 1.200.000 đồng (trong số tiền 1.600.000 đồng) thu giữ của bị cáo Giang Huệ D1, là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.4] Đối với 4.201.000 đồng (trong số tiền 14.201.000 đồng) thu giữ của bị cáo Trần Thanh D; 400.000 đồng (trong số tiền 1.600.000 đồng) thu giữ của bị cáo Giang Huệ D1. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do các bị cáo phạm tội mà có. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.5] Còn số tiền 10.000.000 đồng (bị cáo Trần Thanh D tự nguyện bồi thường cho bà Chung Ngọc Nh để khắc phục hậu quả), Hội đồng xét xử giao lại cho bà Nh để cản trở vào tài sản bị thiệt hại.

[8.6] Đối với chiếc xe gắn máy màu đỏ, biển số 48F9-8712 mà bị cáo Thái Ngọc T sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Kết luận giám định số: 8127/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL379) và Phiếu trả lời xác minh ngày 17/6/2022 của Công an Quận 6 (BL373) thì chiếc xe này có số khung: VBSPCH0021XS17968, số máy: ZS152FMH-01200868, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Còn bị cáo T khai mua chiếc xe từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) và xe không có giấy tờ. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên Hội đồng xét xử giao lại cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.7] Đối với chiếc xe gắn máy màu bạc, biển số 51R4-0081 thu giữ của bị cáo Trần Thanh D (bị cáo khai là xe của một người bạn tên Tuấn không rõ lai lịch cho bị cáo và xe không có giấy tờ. Ngày 03/4/2022, sau khi gọi điện thoại rủ Thái Ngọc T đi tìm tài sản lấy trộm, bị cáo đã sử dụng chiếc xe này đến phòng

trợ của T). Theo Kết luận giám định số: 8126/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL378) thì không xác định được số khung, số máy nguyên thủy của chiếc xe. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy trên là tài sản cấm lưu hành (số khung, số máy bị mài mất số), nên Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.8] Đối với chiếc xe gắn máy màu đen (không có biển số) thu giữ của Nguyễn Đức Th1 (Thăng khai mua chiếc xe này từ Thái Ngọc T để làm phương tiện đi lại, khi mua xe không có giấy tờ và Th1 cũng không biết rõ nguồn gốc của chiếc xe). Theo Kết luận giám định số: 8125/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL377) thì chiếc xe này có số máy: VDGZS152FMH-Z0-004412, không xác định được số khung nguyên thủy. Quá trình điều tra, Thái Ngọc T khai chiếc xe mà bị cáo bán cho Nguyễn Đức Th1 là xe của bị cáo mua lại từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) vài ngày trước với giá 800.000 đồng, khi mua xe không có giấy tờ và bị cáo cũng không biết rõ nguồn gốc của chiếc xe. Xét thấy chiếc xe không phải là vật chứng trong vụ án, do đó Hội đồng xét xử giao lại Công an Quận 6 để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[8.9] Đối với các biển số xe 48F9-8712, 51R4-0081, 59C2-589.57, theo ba Phiếu trả lời xác minh cùng ngày 07/6/2022 của Công an Quận 6 (BL356, 370, 371) thì biển số 48F9-8712 là biển số của chiếc xe gắn máy có số máy VMVDABH003056, số khung RLGMC11HH9H003056 (loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Angel, số loại VDB, sơn màu Đỏ Xám, dung tích 108), do bà Nguyễn Thị Th2 đứng tên chủ xe (không phải là biển số của chiếc xe mà bị cáo Thái Ngọc T sử dụng làm phương tiện phạm tội); biển số 51R4-0081 là biển số của chiếc xe gắn máy có số máy F08E-0089692, số khung 8A07F-155288 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Honda, số loại SH150i, sơn màu Đỏ, dung tích 152), do ông Nguyễn Viết H5 đứng tên chủ xe (không phải là biển số của chiếc xe thu giữ của bị cáo Trần Thanh D); biển số xe 59C2-589.57 là biển số của chiếc xe gắn máy có số máy HC12E2161620, số khung RLHHC12368Y417952 (loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, sơn màu Đỏ Đen, dung tích 97), do ông Phạm Đình C đứng tên chủ xe (không phải là biển số của chiếc xe thu giữ của bị cáo Giang Huệ D1), do đó Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 50/PNK ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 50/QĐ-VKS-Q6 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật

chứng ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.10] Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Piaggio, màu trắng (không có biển số), số khung RP8M82511JV028469, số máy M82EM-5041133 thu giữ của bị cáo Giang Huệ D1, là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn phường BT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã thông báo đến Cơ quan điều tra Công an Quận 1, đồng thời lập thủ tục chuyển chiếc xe nói trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 1 để giải quyết theo thẩm quyền (theo Công văn số: 2328/ĐCSHS ngày 04/7/2022 và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/7/2022 của Công an Quận 6), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.11] Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Future II màu xanh lá, biển số 62K3-1139, số máy JC35E0053083, số khung RLHJC35025Y053085 thu giữ của bị cáo Võ Công D2, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Việt Th2 (ngày 02/3/2022, ông Th2 để xe tại địa chỉ 122/15/8/11 đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị mất trộm), nên đã xử lý trả lại cho ông Th2 (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15/7/2022 - BL540) và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xử lý, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.12] Đối với chiếc xe gắn máy (hiệu Sirius không rõ biển số) mà bị cáo Võ Công D2 sử dụng làm phương tiện đến khu vực nhà trọ số 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT gặp Thái Ngọc T để xem xe cho Giang Huệ D1, bị cáo D2 khai mượn của một người bạn (không rõ lai lịch) và sau khi sử dụng xong, bị cáo đã trả lại cho người này, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.13] Đối với 01 thẻ Ngân hàng ACB số tài khoản: 20970967, số thẻ: 9704162468453467 (mang tên Mai Thị H3) thu giữ của bị cáo Giang Huệ D1, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Mai Thị H3, nên đã xử lý trả lại cho bà H3 (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/7/2022), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.14] Đối với 01 USB hiệu Kingston màu đỏ, dung lượng 8Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2 vào khu nhà trọ 36/30/34/6 đường BTT, phường AL, quận BT) do ông Lâm Tứ H4 giao nộp; 01 USB hiệu Toshiba màu bạc, dung lượng 4Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Thanh D, Thái Ngọc T lấy trộm xe gắn máy tại siêu thị Winmart, địa chỉ 336/55 đường NVL, Phường L, Quận F vào ngày 03/4/2022) do bà Chung Ngọc Nh giao nộp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL501, 502), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với ông Nguyễn Đức Th1, là người có hành vi giúp các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T thay biển số chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, nhưng

Viện kiểm sát xác định ông này không biết rõ chiếc xe đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Các bị cáo **Trần Thanh D**, **Giang Huệ D1**, **Võ Công D2** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo **Thái Ngọc T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh D** (Lê Văn T2, Bờm, Buồm), **Thái Ngọc T** (T Ken) phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Tuyên bố bị cáo **Giang Huệ D1** (Nhi), **Võ Công D2** phạm tội: «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh D** (Lê Văn T2, Bờm, Buồm) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Thái Ngọc T** (T Ken) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Giang Huệ D1** (Nhi) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Võ Công D2** 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Thái Ngọc T** bồi thường cho bà **Chung Ngọc Nh** 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bà **Chung Ngọc Nh** có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo **Thái Ngọc T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì



hàng tháng, bị cáo Thái Ngọc T còn phải trả bà Chung Ngọc Nh khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy màu bạc (không xác định được số khung, số máy nguyên thủy); 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 864164042767631, số Imei 2: 864164042767623; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đỏ tím, có in chữ Vivo ở mặt lưng, số Imei 1: 862449041410933, số Imei 2: 862449041410925; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh, số Imei 1: 357186101913370, số Imei 2: 357187101913378; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, có in chữ Samsung ở mặt lưng, số Imei 1: 355079082954327, số Imei 2: 355080082954325 và 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy màu đỏ, số khung: VBSPCH0021XS17968, số máy: ZS152FMH-01200868 (không có biển số) để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh kim loại màu xám, dài 05cm (một đầu dẹp nhọn, một đầu lục giác); 01 (một) đôi dép kẹp màu đỏ, quai đen; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay, sọc dài; 01 (một) quần ống ngắn màu kem; 01 (một) quần Jean màu xanh dương; 01 (một) quần Jean màu xanh dương có in chữ HMKEN vàng; 01 (một) áo thun đỏ tay ngắn in chữ MOBY DICK màu trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu tím; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (có in chữ Grab); 01 (một) mũ bảo hiểm màu kem; 01 (một) sim điện thoại số: 0932009793; 01 (một) sim điện thoại Mobifone số: 8401200292051012; 01 (một) sim điện thoại số: 0325568776; 02 (hai) sim điện thoại 4G Mobifone số: 8401190850518104 WD và số: 8401210833146037; 01 (một) biển số xe 51R4-0081; 01 (một) biển số xe 48F9-8712; 01 (một) biển số xe 59C2-589.57.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Trần Thanh D 4.201.000 (bốn triệu hai trăm lẻ một ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Giang Huệ D1 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng.

Trả lại bà Chung Ngọc Nh 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Giao Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy màu đen, không có biển số, số máy: VDGZS152FMH-Z0-004412 (không xác

định được số khung nguyên thủy) để xử lý theo thẩm quyền, do không phải là vật chứng trong vụ án.

(theo Giấy nộp tiền ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Thanh D, Giang Huệ D1, Võ Công D2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Thái Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trần Thanh D, Thái Ngọc T, Giang Huệ D1, Võ Công D2; bị hại Chung Ngọc Nh; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đức Th1, Thái Kim H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Thị Thùy Liên**